

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/KDTM – ST**

Ngày: 13/05/2022

V/v “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Quang
Bà Đặng Thị Hiền Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2012/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2012 về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A**

Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thanh P**, sinh năm: 1986 (*có mặt*) (Giấy ủy quyền số: 70/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 và Giấy ủy quyền số: 911/UQ-QLN.22 ngày 12/05/2022).

Bị đơn: **Công ty cổ phần đầu tư ĐH**

Địa chỉ trụ sở chính: 32 B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm: 1980 – Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (*vắng mặt*).

Thường trú: Số 284 Nguyễn Công C1, phố C2, phường C3, thành phố C4, tỉnh NB.

Địa chỉ: 729 D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Vũ Thị T**, sinh năm: 1980 (*vắng mặt*)

Thường trú: Số 284 Nguyễn Công C1, phố C2, phường C3, thành phố C4, tỉnh NB.

Địa chỉ: 729 D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Vũ Thị U**, sinh năm: 1982 (*vắng mặt*)

Thường trú: Số 284 Nguyễn Công E1, phố E2, phường E3, thành phố E4, tỉnh NB.

Địa chỉ: 729 F1, Phường F2, quận F3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Vũ Đức H**, sinh năm: 1971 (*vắng mặt*)

Thường trú: 22 G1, phường G2, quận G3, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 729 H1, Phường H2, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Ngô Hoàng Y**, sinh năm: 1976 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 1337/3 P1, Phường P2, Quận P3, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 31/07/2012 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Đàm Văn Tuấn, ông Phạm Quốc Cường (trước đây) trình bày:**

Ngân hàng TMCP A (sau đây viết tắt là A) đã ký kết với Công ty cổ phần đầu tư ĐH (sau đây viết tắt là Công ty ĐH) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.16181010/TT ngày 01/11/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.31.281011/TT ngày 01/11/2011 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số MIC.DN.37.281011/TT ngày 01/11/2011.

Khoản nợ theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010 được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 206/7B K, Phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Ngô Hoàng Y. Có Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 182517 ngày 19/10/2010 được công chứng tại Phòng công chứng số 04 Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng là 045843 ngày 19/10/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên Môi trường Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký: 2010-140-VP quyền số 204, số thứ tự ghi sổ: 140 ngày 26/10/2010. Nghĩa vụ được bảo đảm: bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên vay/ Bên được cấp tín dụng với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010 và tất cả các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của Bên vay/Bên được cấp tín dụng khi được ACB cấp tín dụng dưới hình thức khác (chiết khấu, cấp thẻ tín dụng, mở L/C...) và các cam kết khác của Bên vay/Bên được cấp tín dụng với ACB.

Ngày 19/10/2010 bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H ký Chứng thư bảo lãnh các khoản nợ vay cho Công ty ĐH. Ngày 13/02/2012 bà Ngô Hoàng Y ký Giấy cam kết về việc trả nợ trong thời hạn 30 ngày.

Trong quá trình vay vốn, Công ty ĐH vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó, ngày 09/07/2012 A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn. Từ ngày 08/08/2012, A sẽ chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/07/2012, Công ty ĐH còn nợ A các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.645.803.809 đồng
- Lãi trong hạn : 126.533.207 đồng
- Lãi quá hạn : 354.120.576 đồng
- Tổng cộng : 4.126.457.592 đồng.

Trong đơn kiện ngày 31/07/2012, Ngân hàng TMCP A đã yêu cầu:

1. Công ty ĐH trả cho A tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 27/07/2012 là 4.126.457.592 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/07/2012 đến ngày Công ty ĐH trả dứt nợ.

2. Nếu Công ty ĐH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 206/7B K, Phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Ngô Hoàng Yến để thu hồi nợ. Đồng thời, yêu cầu bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh đã ký ngày 19/10/2010; yêu cầu bà Ngô Hoàng Y trả nợ theo giấy cam kết đã ký ngày 13/02/2012.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/03/2013 bà Ngô Hoàng Y đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty ĐH tại Ngân hàng TMCP A. Cụ thể bà Y đã thanh toán: 3.645.803.809 đồng tiền nợ gốc, 54.196.191 đồng tiền lãi, tổng cộng là 3.700.000.000 đồng và A đã giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 206/7B K, Phường K1, Quận K2, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 182517 ngày 19/10/2010.

Tính đến ngày 28/03/2013, Công ty ĐH còn nợ A các khoản sau:

- Nợ gốc: 00 đồng
- Lãi trong hạn: 7.472.115 đồng
- Lãi quá hạn: 1.180.822.767 đồng
- Tổng cộng: 1.188.294.882 đồng.

Do đó, Ngân hàng A đã đề nghị được sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Đơn khởi kiện ngày 31/07/2012 như sau:

1. Yêu cầu Công ty ĐH trả cho A tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi quá hạn, lãi trong hạn) tính đến ngày 28/3/2013 là 1.188.294.882 đồng theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Nếu Công ty ĐH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ

Đức H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo các Chứng thư bảo lãnh đã ký ngày 19/10/2010.

2. Rút yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả nợ thay của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Hoàng Y theo giấy cam kết đã ký ngày 13/02/2012.

3. Rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 206/7B K, Phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Ngô Hoàng Y.

Bà Ngô Hoàng Y đã thực hiện xong nghĩa vụ của người bảo lãnh nên Ngân hàng A đã giải chấp trả lại giấy tờ tài sản thế chấp cho bà Y. Hiện tại bà Y không còn nghĩa vụ gì liên quan đến khoản nợ còn lại của Công ty ĐH mà Ngân hàng AC đang khởi kiện.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư ĐH (tại địa chỉ trụ sở chính công ty và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật công ty) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H, bà Ngô Hoàng Y (tại địa chỉ thường trú và tại địa chỉ cư trú cuối cùng của các đương sự) các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng các đương sự không đến làm việc và hòa giải. Ngày 27/01/2022, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do đại diện bị đơn là bà Vũ Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H, bà Ngô Hoàng Y vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn, bà Nguyễn Thanh P trình bày:

Giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung :

Công ty ĐH còn nợ A số tiền lãi là 1.188.294.882 đồng từ 28/03/2013, số tiền này không phát sinh thêm đến ngày xét xử sơ thẩm là do tại các Hợp đồng tín dụng không quy định bên vay phải trả thêm tiền phạt chậm trả tiền lãi và Công ty ĐH đã trả hết số tiền nợ gốc từ 28/03/2013. Do đó A có ý kiến là không yêu cầu Công ty ĐH phải chịu tiền lãi khi chậm thi hành án cho phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại các Hợp đồng tín dụng.

- Đại diện bị đơn - Công ty cổ phần đầu tư ĐH là bà Vũ Thị T: Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H, bà Ngô Hoàng Y: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn đưa vụ án ra xét xử chậm so với quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, nhận thấy Ngân hàng A có cho Công ty ĐH vay tiền theo các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng. Tính đến ngày 28/03/2013, Công ty ĐH đã trả hết nợ gốc, còn nợ A tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Do đó, A yêu cầu Công ty ĐH thanh toán ngay tiền lãi còn nợ tổng cộng 1.188.294.882 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay Công ty ĐH theo các Chứng thư bảo lãnh đã ký ngày 19/10/2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B3 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư ĐH (tại địa chỉ trụ sở chính công ty và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật công ty) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H, bà Ngô Hoàng Y (tại địa chỉ thường trú và tại địa chỉ cư trú cuối cùng của các đương sự), đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng các đương sự đều vắng mặt. Xét thấy việc đại diện Công ty ĐH, bà T, bà U, ông H, bà Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng

mặt các đương sự trên theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về yêu cầu trả nợ:

Ngân hàng TMCP A có cho Công ty cổ phần đầu tư ĐH vay tiền theo các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.16181010/TT ngày 01/11/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.31.281011/TT ngày 01/11/2011 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số MIC.DN.37.281011/TT ngày 01/11/2011.

Trong quá trình vay vốn, Công ty ĐH vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ngày 09/07/2012 A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 27/07/2012, Công ty ĐH còn nợ A tổng cộng số tiền 4.126.457.592 đồng, trong đó nợ gốc là 3.645.803.809 đồng, lãi trong hạn là 126.533.207 đồng, lãi quá hạn là 354.120.576 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/03/2013 bà Ngô Hoàng Y đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty ĐH tại Ngân hàng TMCP A. Cụ thể bà Y đã thanh toán: 3.645.803.809 đồng tiền nợ gốc, 54.196.191 đồng tiền lãi. Do đó, tính đến ngày 28/03/2013, Công ty ĐH đã trả hết nợ gốc, chỉ còn nợ A tiền lãi trong hạn là 7.472.115 đồng, lãi quá hạn là 1.180.822.767 đồng, tổng cộng là 1.188.294.882 đồng.

Tiền lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.31.281011/TT ngày 01/11/2010 và MIC.DN.31.281011/TT ngày 01/11/2011: Lãi suất trong hạn là 20,8%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 20,7%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận số MIC.DN.01311011 (Số tham chiếu: 119465549) ngày 31/10/2011: Lãi suất trong hạn 20,8%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 21,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận số MIC.DN.0302111 (Số tham chiếu: 119729809) ngày 02/11/2011: Lãi suất trong hạn 21,04%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 18,62%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận số MIC.DN.02071111 (Số tham chiếu: 120276369) ngày 07/11/2011: Lãi suất trong hạn 21,04%/năm. Lãi suất vay được cố định trong

thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 20,7%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận số MIC.DN.01181111 (Số tham chiếu: 121384469) ngày 18/11/2011: Lãi suất trong hạn 20,8%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 20,7%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số MIC.DN.37.281011/TT ngày 01/11/2011: Lãi suất trong hạn 21%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất trong hạn tại thời điểm 27/07/2012 là 20,7%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Mức lãi theo thỏa thuận của các bên nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. A đã tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thể hiện tại bảng tính tiền lãi ngày 13/05/2021 do A nộp.

Do đó, A yêu cầu Công ty ĐH thanh toán ngay số tiền nợ lãi 1.188.294.882 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi không tiếp tục phát sinh từ 28/03/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là do Công ty ĐH đã trả hết số tiền nợ gốc được quy định tại các Hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, đại diện A đã tự nguyện cho Công ty ĐH không phải chịu tiền lãi khi chậm thi hành án cho phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nên ghi nhận.

3.1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H có ký Chứng thư bảo lãnh ngày 19/10/2010 để bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty ĐH với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, ... Các nghĩa vụ được bảo lãnh là các nghĩa vụ của Công ty ĐH với A bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký chứng thư. Số nợ gốc được bảo lãnh tại một thời điểm không vượt quá 3.000.000.000 đồng.

Tại Thư bảo lãnh bà T, bà U, ông H cam kết chịu trách nhiệm trả thay cho Công ty ĐH các khoản nợ của Công ty ĐH với A khi Công ty ĐH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Các Chứng thư bảo lãnh còn có nội dung: Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Bên được bảo lãnh được đảm bảo bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì A có quyền lựa chọn bất cứ biện pháp nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để xử lý trước tiên nhằm thu hồi nợ.

Ngày 13/02/2012 bà Ngô Hoàng Y ký Giấy cam kết về việc trả nợ cho Công ty ĐH. Ngày 28/03/2013 bà Y đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty ĐH tại A và A đã giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 206/7B K, Phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Y, đồng thời rút yêu cầu đối với nghĩa vụ bảo lãnh của bà Y theo giấy cam kết đã ký ngày 13/02/2012.

Hiện tại, A chỉ yêu cầu bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty ĐH theo các Chứng thư bảo lãnh đã ký ngày 19/10/2010. Yêu cầu của A là phù hợp với nội dung các Chứng thư bảo lãnh ngày 19/10/2010 mà bà T, bà U, ông H đã cam kết có nội dung viện dẫn như trên và phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh nên được chấp nhận. Khi Công ty ĐH không có khả năng thanh toán hết số nợ cho A thì bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H phải chịu trách nhiệm thanh toán cho A số tiền Công ty ĐH còn phải thanh toán cho A.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ họ đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do vụ án được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01/01/2017 nên án phí được tính theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 như sau: Công ty ĐH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho A) là 47.648.846 đồng. Trả lại cho A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B3 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 361, 363, 371, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1.1. Công ty cổ phần đầu tư ĐH có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số nợ tính đến ngày 13/05/2022 của Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số MIC.DN.15181010/TT ngày 19/10/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.16181010/TT ngày 01/11/2010, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số MIC.DN.31.281011/TT ngày 01/11/2011 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số MIC.DN.37.281011/TT ngày 01/11/2011 số tiền là 1.188.294.882 đồng (một tỉ, một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng) (trong đó: nợ gốc là 00 đồng, lãi trong hạn là 7.472.115 đồng, lãi quá hạn là 1.180.822.767 đồng).

Ghi nhận việc Ngân hàng Thương mại cổ phần A không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư ĐH phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án trong thời gian chưa thi hành án.

1.2. Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư ĐH không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên thì bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền Công ty cổ phần đầu tư ĐH còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần đầu tư ĐH chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 47.648.846 đồng (*bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.063.229 đồng (*năm mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*) theo biên lai số: AA/2010/03935 ngày 24/09/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần đầu tư ĐH, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị U, ông Vũ Đức H, bà Ngô Hoàng Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huyền